Số: 822/QĐ-UBND
Thời gian ký: 26/12/2022 14:42:04 +07:00

Mẫu số 7.9 a

PHÂN NHÓM HỘ NGHÈO THEO DÂN TỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số / QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Khu vực/ Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tổng số	Kinh	Hộ nghèo dân tộc thiểu số																								
					Gia Rai	Bana	Tày	Nùng	Thái	H mông	Xơ đăng	Ê Đê	Mường	Dao	Hrê	Khơ me	Chăm	Ba Tơ	Raglay	Sán Chay	Sán Dìu	Thổ	Sán chỉ	Cao Lan	K'ho	Hoa	Co Tu	Giáy
I	**Khu vực thành thị**	**3010**	**2173**	**839**	**979**	**1151**	**16**	**11**	**2**	**0**	**0**	**1**	**10**	**0**	**1**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	
1	Huyện Kbang	171	127	44		125	2																						
2	Huyện Đak Đoa	129	116	13	42	72	0	0	0	0					1	1													
3	Thị xã Ayun Pa	61	38	23	37	0	0	1	0	0	0																		
4	Huyện Chư Prông	118	80	38	79	0	0	0	1	0	0																		
5	Huyện Ia Pa																												
6	Thành phố Pleiku	78	28	50	27																					1			
7	Huyện Kông Chro	821	731	90	0	721	3	1					6																
8	Huyện Đak Pơ	166	128	38	0	125	1	2																					
9	Huyện Krông Pa	135	93	42	93																								
10	Thị xã An Khê	123	1	122					1																				
11	Huyện Phú Thiện	234	166	68	153		7	6																					
12	Huyện Chư Pưh	288	275	13	242	33																							
13	Huyện Mang Yang	141	48	93	0	43	3						2																
14	Huyện Chư Sê	168	74	94	74	0																							
15	Huyện Chư Păh	90	75	15	75																								
16	Huyện Ia Grai	244	159	87	157								2																
17	Huyện Đức Cơ	43	34	9		32		1				1																	
II	**Khu vực nông thôn**	**35540**	**32214**	**3322**	**18079**	**12819**	**222**	**396**	**88**	**198**	**36**	**14**	**131**	**106**	**7**	**6**	**92**	**0**	**1**	**0**	**5**	**2**	**2**	**3**	**4**	**0**	**2**	
1	Huyện Kbang	2371	2183	188		2102	28	36	4	3	4			1			1				3	1							

2	Huyện Đak Đoa	3137	2929	205	647	2270	8	1	0	1	0		1		1														
3	Thị xã Ayun Pa	191	182	9	182	0	0	0	0	0	0																		
4	Huyện Chư Prông	4659	4008	651	3418	2	92	263	20	53	0	3	91	57	1						1		2	3	2				
5	Huyện Ia Pa	2488	2306	182	1695	571	15	13	1	2		1	7								1								
6	Thành phố Pleiku	170	129	41	107	21			1																				
7	Huyện Kông Chro	4212	4102	110	140	3913	2	14					9	21			3												
8	Huyện Đak Pơ	836	569	266	82	455			1	27						4													
9	Huyện Krông Pa	3109	2898	211	2800	0	3	1	0			3	2			1	88												
10	Thị xã An Khê	163	66	97	0	66																							
11	Huyện Phú Thiện	1051	944	107	801		23	17	16	87																			
12	Huyện Chư Pưh	1844	1593	251	1453	48	18	16	3	20	0	2	5	26											1		1		
13	Huyện Mang Yang	2706	2524	182	4	2442	24	28	16			1	4		2				1								1	1	
14	Huyện Chư Sê	2329	2237	92	1737	484	4	1	2			4	2	1	2														
15	Huyện Chư Păh	1752	1657	95	1187	438					32																		
16	Huyện Ia Grai	2145	1737	408	1709	3	1	1	15	5	0		2		1														
17	Huyện Đức Cơ	2377	2150	227	2117	4	4	5	9				8			1						1			1				
III	**Tổng cộng (I+II)**	**38550**	**34387**	**4161**	**19058**	**13970**	**238**	**407**	**90**	**198**	**36**	**15**	**141**	**106**	**8**	**7**	**92**	**0**	**1**	**0**	**5**	**2**	**2**	**3**	**4**	**1**	**2**	
1	Huyện Kbang	2542	2310	232	0	2227	30	36	4	3	4	0	0	1	0	0	1	0	0	0	3	1	0	0	0	0	0	
2	Huyện Đak Đoa	3266	3045	218	689	2342	8	1	0	1	0	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Thị xã Ayun Pa	252	220	32	219	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Huyện Chư Prông	4777	4088	689	3497	2	92	263	21	53	0	3	91	57	1	0	0	0	0	0	1	0	2	3	2	0	0	
5	Huyện Ia Pa	2488	2306	182	1695	571	15	13	1	2	0	1	7	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	
6	Thành phố Pleiku	248	157	91	134	21	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
7	Huyện Kông Chro	5033	4833	200	140	4634	5	15	0	0	0	0	15	21	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Huyện Đak Pơ	1002	697	304	82	580	1	2	1	27	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

9	Huyện Krông Pa	3244	2991	253	2893	0	3	1	0	0	0	3	2	0	0	1	88	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	Thị xã An Khê	286	67	219	0	66	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	Huyện Phú Thiện	1285	1110	175	954	0	30	23	16	87	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Huyện Chư Pưh	2132	1868	264	1695	81	18	16	3	20	0	2	5	26	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	
13	Huyện Mang Yang	2847	2572	275	4	2485	27	28	16	0	0	1	6	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	
14	Huyện Chư Sê	2497	2311	186	1811	484	4	1	2	0	0	4	2	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Huyện Chư Păh	1842	1732	110	1262	438	0	0	0	0	32	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	Huyện Ia Grai	2389	1896	495	1866	3	1	1	15	5	0	0	4	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Huyện Đức Cơ	2420	2184	236	2117	36	4	6	9	0	0	1	8	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	